

Phụ lục 2.

**Các văn bản góp ý về nội dung quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh
Bắc Giang đến năm 2030**

Phụ lục 3.

**Văn bản giải trình ý kiến góp ý đề án quy hoạch quản lý chất thải rắn
vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý ĐỒ ÁN QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN
VÙNG TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2030

Bắc Giang, ngày 10 tháng 12 năm 2012

1. Tên đồ án: **Quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.**

Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
Phần mở đầu	
Đề nghị bổ sung căn cứ Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang</i>).	Đã bổ sung Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 29/12/2011 của UBND tỉnh tại phần 2, mục 2.1 trang 11.
Phần mục tiêu thu gom, xử lý CTR đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh đề nghị căn cứ vào mục tiêu trong Quyết định số 495/QĐ-UBND của UBND tỉnh về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Bắc Giang đến năm 2020. (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang</i>).	Phần mục tiêu thu gom, xử lý CTR đến năm 2030 đảm bảo phù hợp với mục tiêu trong Quyết định số 495/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp CTR đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg.
Tại phần mở đầu, mục 3 (trang 9). Quan điểm, tầm nhìn và mục tiêu quy hoạch. Đối với nội dung của quan điểm quy hoạch, đề nghị làm rõ nội dung này trên cơ sở nội dung nhiệm vụ đồ án điều chỉnh Quy hoạch quản lý CTR vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang phê duyệt tại Quyết định số	Quy hoạch tổng thể quản lý CTR tỉnh Bắc Giang dựa trên định hướng phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang, định hướng phát triển các KCN, CCN và định hướng phát triển ngành y tế đến năm 2030, đây là căn cứ chính dự báo lượng CTR, thành phần, khối lượng CTR phát sinh đến năm 2030 và là cơ sở để tính toán quy

Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
<p>988/QĐ-UBND ngày 25/7/2012, trong đó quan điểm đã chỉ rõ Quy hoạch tổng thể quản lý CTR tỉnh Bắc Giang phải phù hợp với chiến lược quản lý CTR tại các đô thị và KCN Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và quy hoạch tổng thể phát triển KTXH của tỉnh đến năm 2020. Phù hợp với các quy hoạch ngành (quy hoạch đô thị, CN, Y tế) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong dự thảo không đề cập đến. <i>(Sở Kế hoạch và Đầu tư).</i></p>	<p>mô, công suất và phạm vi phục vụ và định hướng phân cấp các KXL đến năm 2030.</p>
<p>Chương 1: Tổng quan kinh nghiệm quản lý CTR trên thế giới và tại Việt Nam</p>	
<p>Không có ý kiến đánh giá, chỉnh sửa bổ sung nội dung trong phần Chương 1 về kinh nghiệm quản lý CTR trên thế giới và tại Việt Nam; Kinh nghiệm áp dụng trong quản lý CTR tại tỉnh Bắc Giang.</p>	
<p>Chương 2: Đánh giá hiện trạng quản lý CTR tỉnh Bắc Giang</p>	
<p>Chỉnh sửa lại diện tích tự nhiên tỉnh Bắc Giang (trang 17) là 3.843,95 km² – Theo Niên giám thống kê năm 2011; <i>(Sở Kế hoạch và Đầu tư).</i></p>	<p>Chỉnh sửa nội dung liên quan đến diện tích tự nhiên tỉnh Bắc Giang tại mục 4.1, trang 14.</p>
<p>Tại bảng 2.1 Đặc trưng thủy văn các sông chính tỉnh Bắc Giang đề nghị xem lại toàn bộ chiều dài các con sông trên cơ sở số liệu của quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Bắc Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được phê duyệt tại quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 của chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang. <i>(Sở Kế hoạch và Đầu tư).</i></p>	<p>Đã bổ sung, chỉnh sửa các số liệu tại bảng 2.1 về các thông số đặc trưng thủy văn các sông chính tỉnh Bắc Giang, tại mục 2.1.1, trang 23, trang 24.</p>
<p>Phần hiện trạng thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh (trang 36-39) đề nghị thống kê đầy đủ hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý CTR sinh hoạt nông thôn ở 10 huyện, thành phố <i>(Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang).</i></p>	<p>Do phạm vi nghiên cứu rộng lớn, cấp vùng tỉnh, vùng huyện, mặt khác do CTR sinh hoạt khu vực nông thôn tại các xã chưa được quản lý chặt chẽ, chưa có số liệu thống kê cụ thể, do đó CTR nông thôn đã hiện trạng xử lý CTR một số xã thuộc huyện Yên Dũng, Việt Yên, khu vực tập trung dân cư, thông qua quá trình</p>

Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
	thực địa và làm việc với phòng kinh tế hạ tầng thuộc UBND các huyện
<p>Tại trang 22, trang 23 mục 2.1.2.2. đề nghị sửa thị trấn Thăng là đô thị loại IV thay cho loại V; Trang 32 đề nghị sửa TT. Thăng mở rộng bao gồm thị trấn Thăng, xã Đức Thắng, thôn Đức Nghiêm xã Ngọc Sơn, thôn Chóp xã Lương Phong; Trang 35, đề nghị sửa KXL Ngọc Sơn thành KXL thị trấn Thăng; Trang 42, đề nghị sửa huyện Hiệp Hòa không có CCN Đồng Bài (<i>Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Hiệp Hòa</i>).</p>	<p>Đã chỉnh sửa Thị trấn Thăng, huyện Hiệp Hòa là đô thị loại IV thay cho loại V, tại Trang 23 mục 2.1.2.2; TT. Bổ sung Thăng mở rộng bao gồm thị trấn Thăng, xã Đức Thắng, thôn Đức Nghiêm xã Ngọc Sơn, thôn Chóp xã Lương Phong tại trang 33; và sửa KXL Ngọc Sơn thành KXL thị trấn Thăng tại trang 35.</p>
<p>Tại trang 41 – Tình hình hoạt động của các CCN tỉnh Bắc Giang đề nghị chỉnh sửa như sau: Ngoài các KCN tập trung, tính đến năm 2012, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã hình thành 34 CCN, tổng diện tích quy hoạch 734,8 ha, trong đó diện tích đất công nghiệp là 485,7 ha, thu hút được 255 dự án đã đăng ký đầu tư sản xuất kinh doanh. Trong 34 CCN có 30 CCN đã và đang hoạt động, trong đó 14 CCN đã lấp đầy 100%, 10 CCN đã lấp đầy trên 50%, 5 CCN mới thành lập và 1 CCN mở rộng, đang lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; (<i>Sở Công thương, tỉnh Bắc Giang</i>).</p>	<p>Đã chỉnh sửa, bổ sung số về hiện trạng hoạt động, diện tích của các CCN tính đến năm 2012, trang 42 theo đề suất của Sở Công Thương.</p>
<p>Xem xét lại địa danh của các CCN tại một số bảng biểu: Bảng 2.1 về thống kê hiện trạng hoạt động các CCN trên địa bàn còn liệt kê CCN Đồng Vàng, thực tế CCN này đã sát nhập với KCN Đình Trám, bảng 3.7; sửa tên KCN Hoàng thành CCN Hoàng Mai; (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Việt Yên</i>).</p>	<p>Đã cập nhật về vị trí và diện tích các cụm công nghiệp (trang 43) và việc thay đổi địa giới hành chính (CCN Đình Trì thuộc TP. Bắc Giang; CCN ô tô Đồng Vàng đã có quyết định sát nhập vào KCN Đình Trám)</p>
<p>Việc đánh giá các bãi xử lý rác sinh hoạt của 10 huyện thị còn chung chung, không cụ thể những khu xử lý nào gây ô nhiễm nghiêm trọng cần được khắc phục hoặc chấm dứt hoạt động (vì theo số liệu của UBND tỉnh</p>	<p>Hiện trạng hoạt động của các KXL trên địa bàn tỉnh Bắc Giang được tổng hợp tại bảng 2.5, trang 36; trong đó toàn tỉnh có 02 BCL hợp vệ sinh là BCL Đa Mai (TP. Bắc Giang) và BCL Tam</p>

Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
có 03 bãi rác gây ô nhiễm nghiêm trọng, huyện Việt Yên, huyện Hiệp Hòa và huyện Yên Thế). Những bãi rác nào cho phép hoạt động đến năm 2020, đến năm 2030; (<i>Công an tỉnh Bắc Giang</i>).	Tiền (H. Yên Thế), 15 BCL còn lại đều không hợp vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường.
Việc đánh giá các lò đốt rác của ngành y tế cũng không nêu cụ thể những lò đốt nào được phép sử dụng tiếp, những lò nào cần chấm dứt đốt rác do gây ô nhiễm môi trường; (<i>Công an tỉnh Bắc Giang</i>).	Hiện trạng hoạt động của các lò đốt tại các bệnh viện đã được bổ sung và đánh giá chi tiết tại mục 2.2.4.4 và bảng 2.15, trang 53, trang 54. Hầu hết các lò đốt đặt trong bệnh viện, gần khu dân cư, gây ô nhiễm môi trường;
Chương 3: Dự báo khối lượng, thành phần các nguồn phát sinh CTR đến năm 2030	
Căn cứ để đưa ra số liệu dự tính tại bảng 3.7 trang 67 và trang 68 của từng khu công nghiệp và CCN các huyện phát sinh CTR công nghiệp đến năm 2030 là 558 tấn/ngày. (<i>Công an tỉnh Bắc Giang</i>).	Căn cứ vào định hướng quy hoạch đến năm 2020, xác định diện tích các KCN, CCN tỉnh Bắc Giang, đây sẽ là cơ sở dự báo lượng CTRCN phát sinh trên địa bàn tỉnh, dựa trên tải lượng phát thải 0,12 tấn/ha.
Chương 4. Đánh giá lựa chọn địa điểm khu xử lý CTR tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	
Tại trang 79 (Bảng 4.4: Phân tích các phương án lựa chọn KXLCTR tập trung của huyện): Mục 5: Vị trí lựa chọn khu xử lý là khu vực Đồi Mốc – TT. Nhã Nam chưa đúng với quy hoạch TT. Nhã Nam đang lập và đã xin ý kiến các ban ngành (Đồ án QH TT Nhã Nam lựa chọn vị trí xử lý tại đồi Cành Sung, thôn Tiên Trại, xã Nhã Nam); (<i>Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Tân Yên</i>).	Đã chỉnh sửa vị trí KXLCTR theo quy hoạch chung TT. Nhã Nam tại khu vực tại đồi Cành Sung, thôn Tiên Trại, xã Nhã Nam. Không sử dụng khu vực Đồi Mốc, tại bảng 4.4, trang 80.
Chương 5. Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030	
Đề nghị chỉnh sửa các lỗi chính tả và một số nội dung cho chính xác như: chỉnh sửa xã Hương Lạc thuộc huyện Lạng Giang (trong dự thảo nêu thuộc huyện Lục Ngạn); chỉnh sửa quyết định 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ TN&MT đã hết hiệu lực (thay thế bằng	Đã chỉnh sửa lại vị trí KXLCTR huyện Lạng Giang tại thôn Hồ vầu, xã Tân Hưng và đã thay thế quyết định 23/2006/QĐ-BTNMT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ TN&MT đã hết hiệu

Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
Thông tư 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ TN&MT). (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang</i>).	lực tại mục 5.3.1, trang 101.
Phần quy hoạch quản lý CTR công nghiệp: Đề nghị nêu rõ những khu vực, điểm quy hoạch xử lý CTR và lộ trình thực hiện trên địa bàn. Riêng đối với CTR nguy hại nêu rõ quy hoạch vị trí xử lý CTR nguy hại trên địa bàn. (<i>Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang</i>).	Nội dung quy hoạch CTRCN đã xác định các KCN cần xây dựng trạm trung chuyển; Vị trí xử lý CTRCN nguy hại tại 02 KXL là KXL Đa Mai và KXL Nham Sơn - Thắng Cương, đóng vai trò là 02 trung tâm xử lý CTRCN nguy hại toàn tỉnh Bắc Giang, tại mục 5.3.3.3, trang 105 và bảng 5.15, trang 109.
Hiện nay, tại khu vực cộng đồng nông dân ở làng bản, thôn xóm vị trí chứa CTR rất tùy tiện, phân tán nhiều nơi do chưa có quy hoạch. Tuy trong đồ án quy hoạch quản lý CTR vùng tỉnh Bắc Giang không thể đề cập hết những vị trí này, nhưng cũng nên bổ sung thêm một số giải pháp, phương án chung để giao cho các xã có trách nhiệm quan tâm, xây dựng và thống nhất chỉ đạo, quản lý cho phù hợp với tình hình của địa phương, không để tự phát, gây ô nhiễm như hiện nay. (<i>Sở Giao thông Vận tải</i>)	Mô hình thu gom, vận chuyển CTR tại mục 5.2.2.1, trang 96, đã đề suất 02 mô hình thu gom theo cụm xã và thu gom theo từng xã, theo đó CTR nông thôn được tổ VSMT các thôn xã thu gom về KXL của từng xã hoặc đến điểm tập kết của các xã, sau đó được đơn vị VSMT của huyện thu gom về KXL tập trung cụm xã hoặc tập trung của huyện.
Đề nghị nghiên cứu, điều chỉnh KXL Đèo Chinh (thị trấn An Châu, huyện Sơn Động) sang vị trí khác, vì đây là khu vực địa hình có giá trị về quốc phòng - an ninh và đã được bố trí hệ thống trận địa phòng không cho lực lượng vũ trang địa phương; (<i>Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Giang</i>).	Nhóm thực hiện quy hoạch ưu tiên sử dụng các KXL hiện đang hoạt động và có khả năng mở rộng, trong đó có KXL Đèo Chinh (thị trấn An Châu, huyện Sơn Động), do bãi rác đã hoạt động từ năm 2008, do đó cần đầu tư lò đốt CTRSH để hạn chế diện tích chôn lấp.
Đề nghị chỉnh sửa nội dung tại trang 95, trang 96, bảng 5.5 Tổng khối lượng CTRSH đô thị theo thành phần tiếp nhận tại các KXL đến năm 2030; Mục 2.4 KXL Tam Tiến, phần phạm vi phục vụ điều chỉnh lại là TT. Cầu Gồ, TT. Mỏ Trạng và một số xã khu vực phía Tây Bắc của huyện, bỏ (TT. Công Châu); Mục 3.4. KXL Đồng Hưu, phần phạm vi phục vụ, bổ sung là TT. Bồ Hạ và một số xã phía Đông của huyện.	Đã điều chỉnh lại số liệu về khối lượng CTRSH đô thị theo thành phần tiếp nhận tại các KXL đến năm 2030 tại Mục 5.2.1, phần b, trang 89 và phạm vi phục vụ các KXL Tam Tiến và KXL Đồng Hưu tại bảng 5.3, trang 90.

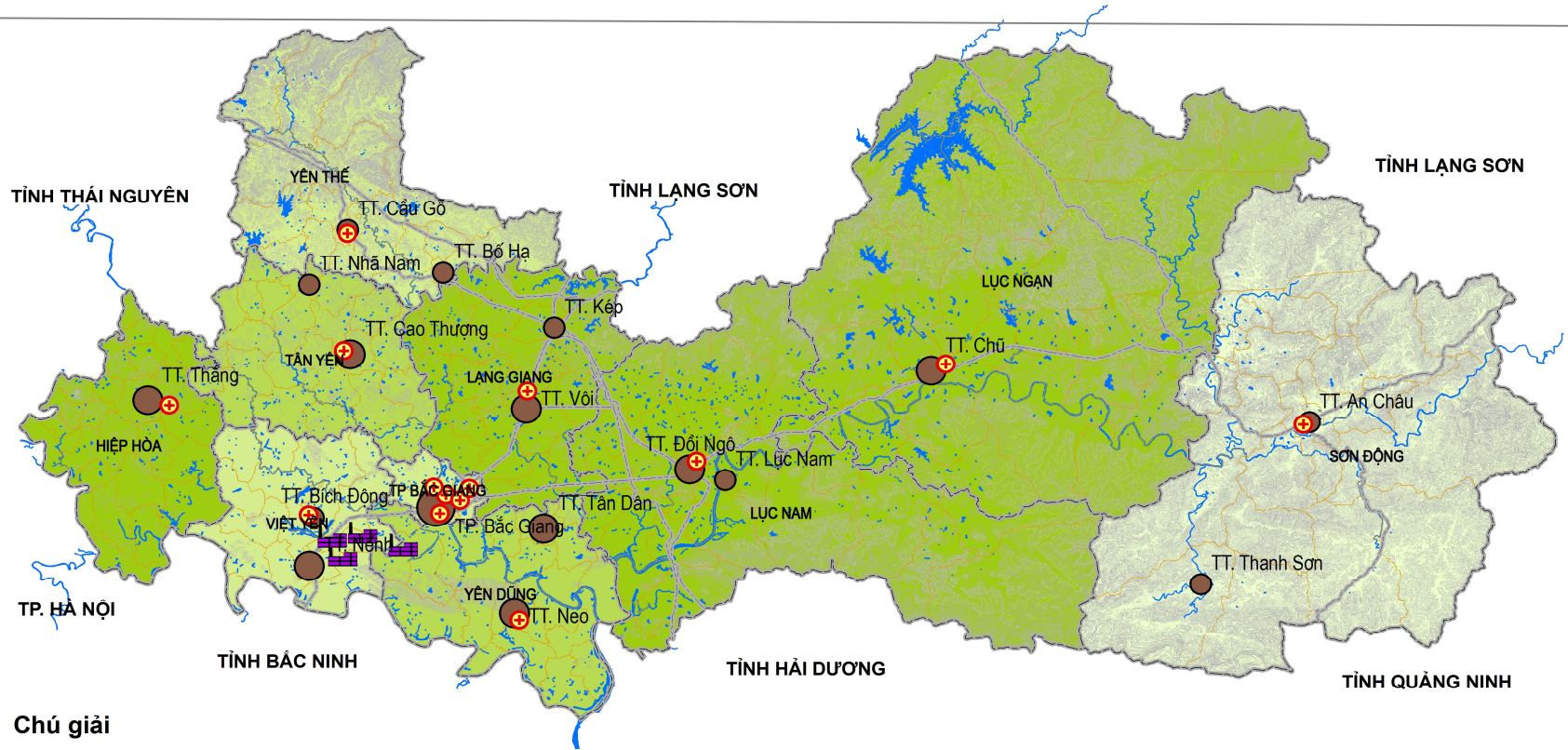
Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
<i>(Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Yên Thế).</i>	
Đề nghị bổ sung thêm 01 bãi chôn lấp xử lý rác thải tập trung với quy mô khoảng 3-5ha tại xã Tân Sơn để đáp ứng nhu cầu chôn lấp, xử lý rác thải khi huyện Lục Ngạn được tách thành 3 đơn vị hành chính (hiện nay huyện Lục Ngạn đang thực hiện lập quy hoạch chung thị trấn Tân Sơn với diện tích 500ha). <i>(Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Lục Ngạn).</i>	Căn cứ vào quy mô dân số thị trấn Tân Sơn và khoảng cách vận chuyển đến KXL Biên Sơn, do đó CTRSH TT. Tân Sơn sẽ được vận chuyển về KXL Biên Sơn, xử lý chung với TT. Chủ nhằm tiết kiệm chi phí xây dựng.
Trang 84, 85, 91, 95, 100, 101, 120, 126 đề nghị chuyển KXLCTR tập trung Đại Thành đến vị trí xã khác vì diện tích đất canh tác của xã Đại Thành còn lại rất hẹp do quỹ đất dành cho khu đô thị Đại Thành – Hợp Thịnh lớn <i>(Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Hiệp Hòa).</i>	Căn cứ vào hiện trạng và định hướng phát triển giao thông huyện Hiệp Hòa, khả năng phát sinh khối lượng lớn CTRSH và CTRCN và định hướng xây dựng lò đốt CTRSH quy mô nhỏ, nhằm tiết kiệm diện tích, việc KXL tại xã Đại Thành sẽ thuận lợi hơn.
Một số vị trí lựa chọn địa điểm khu xử lý gần hồ nước (KXL Đồi Ông Mật; KXL Biên Sơn...) dễ có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, vậy đề nghị cần xem xét cân nhắc kỹ, nên chọn địa điểm khác để đảm bảo thỏa mãn các tiêu chí, đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật theo quy định. <i>(Ban quản lý các KCN tỉnh Bắc Giang).</i>	KXL Đồi Ông Mật hiện nay là khu vực khai thác đất của các lò gạch tập trung, do đó hình thành các hồ nước trũng, thấp. KXL Đồi Ông Mật, KXL Biên Sơn, cần đầu tư xây dựng BCL hợp vệ sinh (các ô chứa rác thải và khu xử lý nước thải tập trung) hạn chế gây ô nhiễm môi trường.
Diện tích đã giao đất cho khu xử lý CTR Đồi Ông Mật thị trấn Bích Động có quy mô 6,2ha (dự thảo đồ án quy hoạch 3,92ha), đề nghị điều chỉnh lại diện tích hiện trạng và quy hoạch đến 2030 cho phù hợp với thực tế. <i>(Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Việt Yên).</i>	Đã chỉnh sửa, cập nhật lại diện tích quy hoạch đối với khu xử lý CTR Đồi Ông Mật thị trấn Bích Động có quy mô 6,2ha.
Chương 6. Kế hoạch và lộ trình thực hiện quy hoạch	
Phần tổ chức thực hiện quy hoạch: đề nghị chỉnh sửa trách nhiệm của Sở TN&MT, trách nhiệm của Sở xây dựng theo khoản 7 Điều 121 Luật bảo vệ môi trường; Bổ sung trách nhiệm của Sở xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, hướng	Trách nhiệm của Sở xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban ngành trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch, đã được chỉnh sửa, bổ sung tại mục 6.3.2, trang 138.

Các ý kiến đóng góp	Nội dung giải trình
<p>dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật đối với hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng xử lý CTR tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung. (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang).</p>	
<p>Về nguồn vốn đầu tư, đối với các dự án đầu tư đề nghị cần phân tích, chỉ ra được nguồn vốn cho các dự án, các dự án thu hút và xã hội hóa, dự án cần có sự hỗ trợ của ngân sách nhà nước. (Sở Kế hoạch và Đầu tư).</p>	<p>Căn cứ vào nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư trong lĩnh vực quản lý CTR, nhóm quy hoạch đã đưa ra 4 nguồn vốn chính: Vốn ngân sách TW, ngân sách tỉnh, Vốn viện trợ không hoàn lại và vốn vay các tổ chức Quốc tế.</p>
<p>Đề nghị bổ sung kinh phí thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn đến năm 2030 tại bảng 6.3: Đầu tư thiết bị phục vụ phân loại CTR tại Đồi Cành Sung – thôn Tiên Trại – xã Nhã Nam và thôn Ngọc Yên – xã Cao Xá; (Phòng Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Tân Yên).</p>	<p>Đã bổ sung nội dung về kinh phí đầu tư trang thiết bị các KXL thuộc huyện Tân Yên nhằm thực hiện quy hoạch theo từng giai đoạn tại bảng 6.3, trang 132.</p>
<p>Chương 7. Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch quản lý CTR tỉnh Bắc Giang đến năm 2030</p>	
<p>Không có ý kiến đánh giá, chỉnh sửa bổ sung nội dung trong phần Chương 7 về nội dung Đánh giá môi trường chiến lược quy hoạch quản lý CTR tỉnh Bắc Giang đến năm 2030.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> - Ý kiến thống nhất của các Sở: Sở Y tế, Sở Tài Chính, Sở nông nghiệp nông thôn nhất trí với nội dung thuyết minh tổng hợp Quy hoạch quản lý CTR vùng tỉnh Bắc Giang đến năm 2030. - Ý kiến thống nhất của các huyện: Huyện Lạng Giang thống nhất vị trí, địa điểm quy hoạch các khu xử lý CTR đề xuất. 	

Phụ lục 4.

- **Bản đồ hiện trạng quản lý chất thải rắn tỉnh Bắc Giang**
- **Bản đồ hiện trạng các khu xử lý chất thải rắn**
- **Bản đồ quy hoạch quản lý chất thải rắn đến năm 2030**
- **Bản đồ quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2030
SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH BẮC GIANG

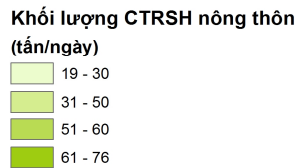


Chú giải

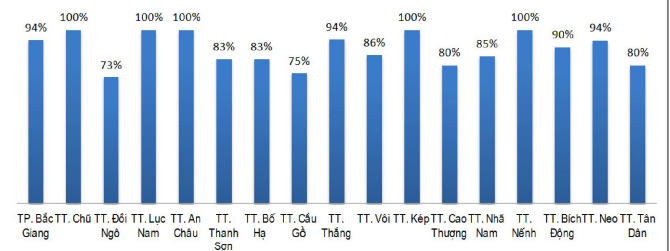
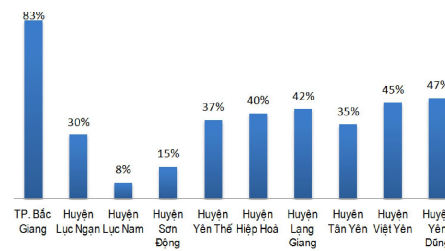
- Nguồn phát sinh CTR KCN
- Nguồn phát sinh CTRYT nguy hại

Khối lượng CTRSH đô thị phát sinh (tấn/ngày)

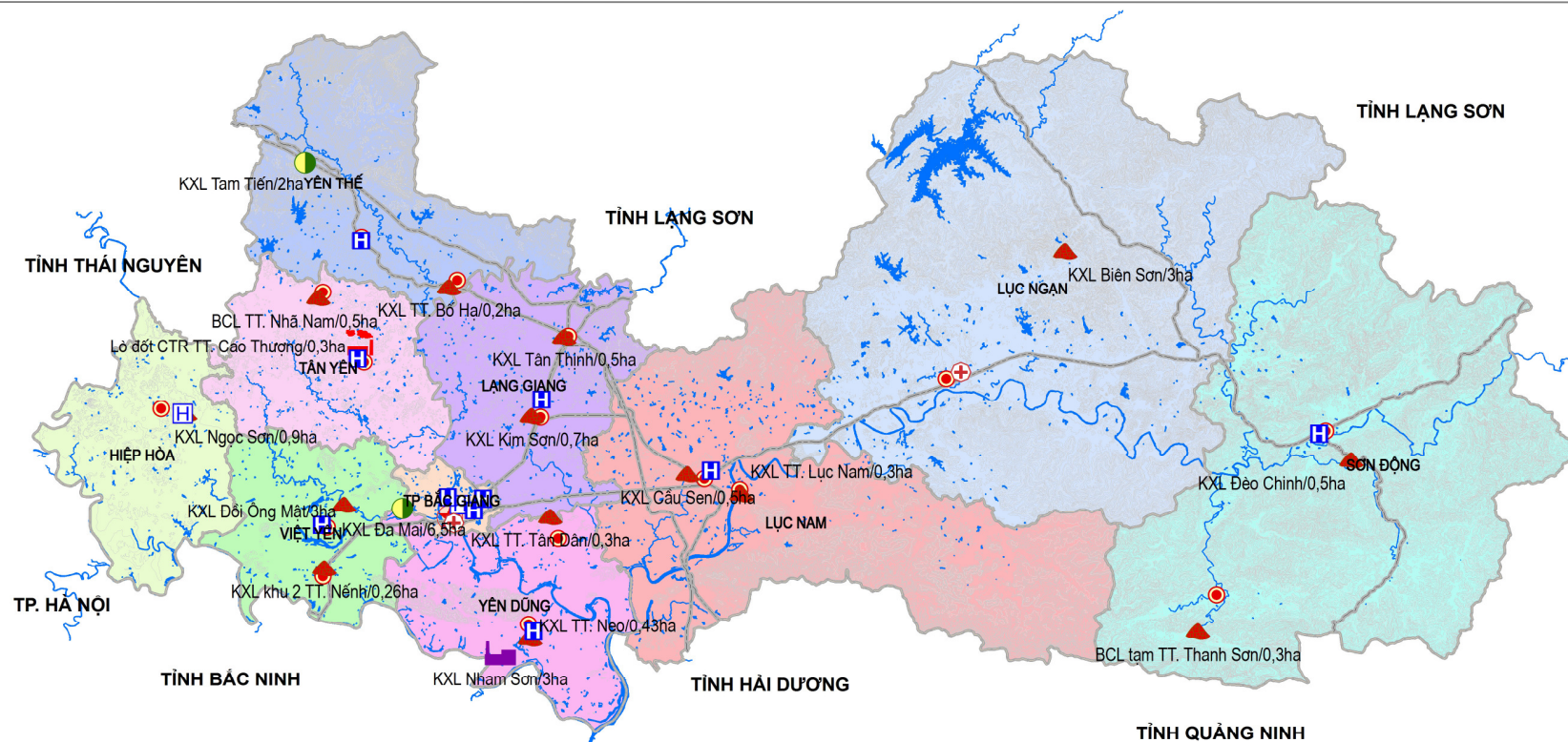
- 2 - 5
- 6 - 9
- 10 - 85



- Ranh giới huyện
- Ranh giới tỉnh



QUY HOẠCH QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN TỈNH BẮC GIANG ĐẾN NĂM 2030
SƠ ĐỒ HIỆN TRẠNG XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN



Hệ thống đô thị

- Đô thị loại III
- Đô thị loại IV
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện

Hiện trạng các KXLCTR

- Công nghệ sử dụng**
- Chôn lấp hợp vệ sinh
 - Chôn lấp không hợp vệ sinh
 - Lò đốt CTRS công nghiệp
 - Lò đốt CTR sinh hoạt

Hiện trạng hệ thống XLCTR Y tế

- Lò đốt CTRYT hoạt động không thường xuyên
- Lò đốt CTRYT ngừng hoạt động
- Lò đốt CTRYT hoạt động thường xuyên

Ghi chú: KXL Đèo Chinh/0,5ha: Tên KXL// Diện tích đang sử dụng



